TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Mạnh Thìn
2. Bà Trần Thị Dần

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N; Sinh năm: 1991
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
- *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc H; Sinh năm: 1987
Địa chỉ: Khu phố X, Thị trấn V, huyện Thạch T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2023 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/7/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được 10 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ. Thêm vào đó, anh H không chịu khó làm ăn mà thường xuyên chơi bài bạc và rượu chè nên khiến cho chị ngày càng cảm thấy mệt mỏi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại, chị và anh H đã sống ly thân hơn 3 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, chị N xác định tình

cảm vợ chồng không còn, không thể không thể chung sống với anh H được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Chí H, sinh ngày 04/11/2011 và Trần Chí H, sinh ngày 15/3/2015. Ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2023, bị đơn anh Trần Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/7/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận bình thường. Đến năm 2019, chị N tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa mà không được sự đồng ý của anh nên từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Đến nay, chị N quay về và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh vẫn muốn chị N quay về để vợ chồng được đoàn tụ. Nếu chị N nhất quyết yêu cầu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Chí H, sinh ngày 04/11/2011 và Trần Chí H, sinh ngày 15/3/2015. Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Trần Ngọc H; Về con chung: Giao cháu Trần Chí H, sinh ngày 15/3/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Chí H, sinh ngày 04/11/2011, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh H vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ vắng mặt anh H và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Nguyên đơn là chị Trần Thị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trần Ngọc H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/7/2010 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì sảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống và bất đồng trong công việc nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại, chị N và anh H đã sống ly thân đã 3 năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Việc này, cả chị N và anh H đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay chị N nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Anh H mặc dù mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng không có mặt theo thông báo của Tòa án. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Trần Ngọc H.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Chí H, sinh ngày 04/11/2011 và Trần Chí H, sinh ngày 15/3/2015. Ly hôn, cả chị N và anh H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Xét thấy, cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là như nhau. Do đó, nên giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H là phù hợp với thực tế.

[6]. Về tài sản: Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[7]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Trần Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Chí H, sinh ngày 15/3/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Chí H, sinh ngày 04/11/2011, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị N, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3**.** Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch

Thành theo biên lai số AA/2021/0007988 ngày 22/03/2023. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Trần Thị N và anh Trần Ngọc H. Chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc